

TIỂU SỬ ĐẠO SƯ VĨ ĐẠI RIGDZIN JIGME LINGPA (1730–1798)



Rigdzin Jigme Lingpa là hóa thân (tulku) của Vua Trisong Detsen (790-858) và Vimalamitra. Ngài cũng được gọi là **Khyentse Ozer**, Những Tia sáng Trí Tuệ và Đại Bi. Ngài đã khám phá giáo khóa rộng lớn và sâu xa *Longchen Nyingthig* như terma tâm.

Trong *Tiên tri Bí mật của Lạt ma Gongdu*, do Sangye Lingpa (1340-1396) khám phá, Guru Rinpoche tiên đoán sự xuất hiện của Jigme Lingpa bảy trăm năm sau:

Ở miền nam Tây Tạng sẽ xuất hiện một hóa thân tên là Ozer.

Ngài sẽ giải thoát chúng sinh bằng giáo lý sâu xa Nyingthig.

Bất kỳ ai được nối kết với ngài, ngài sẽ dẫn dắt tới cõi tịnh độ của các vidhyadhara (Trì Minh Vương).

Jigme Lingpa sinh vào sáng sớm ngày mười tám tháng mười hai năm Thổ Dậu thuộc Rabjung thứ mười hai (1730) tại một ngôi làng trong Thung lũng Chongye

miền Nam Tây Tạng, không quá xa lăng mộ các vị vua của triều đại Chogyal, được gọi là “các lăng mộ đỏ.” Mặc dù cha mẹ của ngài xuất thân từ những gia đình quyền quý trong quá khứ, nhưng của cải của họ thật khiêm tốn mà Jigme Lingpa hiểu rằng đó là một sự ban phước cho phép ngài dám đương đời sống tu hành của mình, không bị thúc ép phải tham gia các nghĩa vụ xã hội hay vẻ hào nhoáng quý tộc.

Từ thời thơ ấu, ngài đã nhớ lại các hóa thân đời trước của mình, chẳng hạn như đại Terton Sangye Lama (1000-1080?). Một trong những chiếc răng của ngài được đánh dấu với chữ AH - ngữ của Phật, được coi là dấu hiệu của việc ngài là hóa thân của Vimalamitra. Cũng thế, như được biểu thị trong một tác phẩm tiên tri, ngài có ba mươi nốt ruồi nhỏ hơi đỏ trong hình dạng một chày kim cương nơi tim ngài, khoảng ba mươi nốt ruồi nhỏ hơi đỏ tại rốn trong hình dạng một cái chuông nghi lễ, và trên ngón cái phải của ngài có những đường vạch trong hình dạng một chữ HYA hay HRIH, chủng tự của Bốn Tôn Hayagriva. Từ thời thơ ấu tâm ngài không dính mắc những vui thú thế gian, và ngài có lòng bi mẫn, thông tuệ, và can đảm phi thường.

Ngài được công nhận là hóa thân thứ mười ba của Gyalse Lhaje, người thọ nhận giáo lý *Kadu Chokyi Gyatso* từ Duru Rinpoche, tất cả các ngài đều là những terton. Cũng thế, trong bài cầu nguyện dòng truyền thừa tối yếu ngài viết cho các đệ tử, Jigme Lingpa đề cập tới nhiều đời quá khứ và một đời trong tương lai của ngài như thể ngài nhìn thấy rõ ràng điều đó:

- 1- Samantabhadra (Phổ Hiền), Pháp Vương trùm khắp sinh tử và Niết bàn, sự tương tục của nền tảng, tinh túy rốt ráo của Phật tánh,
- 2- Sau đó [sự hợp nhất của] lòng đại bi và tánh Không xuất hiện như Đức Avalokiteshvara Quán Thế Âm), và
- 3- Prahevajra, con khẩn nguyện các ngài.
- 4- Sau đó hiển lộ là trưởng tử của Vua Krikri trong sự hiện diện của Đức Phật Ca Diếp,
- 5- Nanda, bào đệ của Đức Phật,
- 6- Akarmati, một hiển lộ của Vua Songtsen Gampo, và
- 7- Vua Trison Detsen, con khẩn nguyện các ngài.
- 8- Đại thành tựu giả Virvapa của Ấn Độ, [9] Công chúa Pemasal,
- 10- Gyalse Lhaje, Pháp vương trong thân người,
- 11- Tri-me Kunden (của Ấn Độ), 12- Yarje Ogyen Lingpa (1323-?),
- 13- Dao Zhonu (1079-1153) phái Kagyu và 14- Trakpa Gyaltsen (1147-1216) phái Sakya, con khẩn nguyện các ngài.
- 15- Sau đó Longchen Rabjam (1308-1363), sự hiển lộ của chính Đại thành tựu giả Vimalamitra,

- 16- Ngari Penchen (1487-1542), 17- Chogyal Phuntsok (thế kỷ thứ 16, nam tử của Drikung Rinchen Phuntsok),
18- Changdak Tashi Tobgyal (1550-1602?), 19- Dzamling Dorje (xứ Kongpo) và
20- Jigme Lingpa (1730-1798), con khấn nguyện các ngài.
21- Sau vị Thầy này, hiển lộ qua hóa thân của Yeshe Dorje[1800-66].

Năm lên sáu, như một sa di bình thường, ngài gia nhập Tu viện Palri (Shriparvata) trong Thung lũng Chongye, trụ xứ của Trangpo Terchen Sherap Ozer (1517-1584). Tsogyal Tulku Ngawang Lobzang Pema ban cho ngài pháp danh **Pema Khyentse Ozer**.

Như ngài nói, từ sáu tới mười ba tuổi, ngài dùng nhiều thời giờ để nghịch đất với các sa di cùng trang lứa hơn là để học. Ngài sống cuộc đời của một sa di nghèo ít thuận lợi trong việc học tập, và năm này qua năm khác phải đương đầu với những thầy trợ giáo hết sức nghiêm khắc. Tuy nhiên, nhiệt tâm mãnh liệt của ngài dành cho Pháp, lòng sùng mộ tự nhiên đối với Guru Rinpoche, và lòng bi mẫn bẩm sinh của ngài đối với tất cả chúng sinh, đặc biệt là với thú vật, đã trợ lực cho ngài và khiến cho tuổi thơ của ngài tràn đầy niềm vui và ý nghĩa. Mặc dù có vẻ là một sa di tầm thường, đời sống nội tâm của ngài thật phong phú. Ban ngày của ngài ngập đầy những thành tựu thiền định và cảm hứng những thị kiến thanh tịnh. Vào ban đêm, ngài hòa nhập trong những giấc mộng là những kinh nghiệm và thị kiến tâm linh.

Trong những hoàn cảnh như thế, ngài đã tinh thông văn phạm, luận lý, thiên văn, thi ca, lịch sử, y khoa, và nhiều Kinh điển và Tantra (Mật điển). Ngoài việc nhận lãnh những trao truyền quán đánh bí truyền, ngài không cảm thấy cần phải có một Đạo sư hay học tập chi tiết bất kỳ chủ đề trí thức nào như những người học đạo nghiêm túc khác đã làm. Ngài học hỏi các chủ đề khác nhau chỉ bằng cách nghe trộm những đoạn giáo lý của các lớp học của những đệ tử khác hay liếc nhìn các bản văn.

Nhiều Đạo sư trở nên thông thái nhờ việc nghiên cứu và sau đó chứng ngộ nhờ thiền định. Jigme Lingpa thông thái tự bẩm sinh, là kết quả của sự tỉnh giác chứng ngộ trí tuệ trong bản thân ngài. Tuy nhiên, hiển lộ bên ngoài là sự bùng nổ cuối cùng và viên mãn của trí tuệ bao la của ngài thì mãi sau này mới xảy ra, khi ngài có các thị kiến về Longchen Rabjam vào năm ba mươi một tuổi. Ngài viết:

Một cách tự nhiên, tôi cảm thấy thật sung sướng khi có thể nghiên cứu bất kỳ chủ đề nào, chẳng hạn như ngôn ngữ, những tác phẩm cổ điển, Kinh điển cùng các bình giảng, hay giáo lý Kim Cương thừa về bản tánh tối hậu. Tôi nghiên cứu tất cả những điều đó cả ngày lẫn đêm với sự tôn kính lớn lao. Nhưng tôi khó có cơ hội để phát triển sự hiểu biết bằng cách học tập với một Đạo sư, ngay cả chỉ trong một ngày. Tuy nhiên, tại Tu viện Samye Chimphu vinh quang, nhờ ba lần nhìn thấy thân trí tuệ của Longchenpa, và nhờ nhận lãnh các sự ban phước qua

những dấu hiệu khác nhau, nghiệp của tôi về “trí tuệ-hiểu biết” được đánh thức từ sự sâu thẳm của Đại Viên mãn.

Từ **Neten Kunzang Ozer**, lần đầu tiên ngài nhận sự truyền dạy chính yếu của mình, sự trao truyền giáo lý *Trolthik Gongpa Rangtrol* do Trengpo Terchen Sherap Ozer (còn được gọi là Drodul Lingpa) khám phá, giáo khóa *Lama Gongdu* do Sangye Lingpa (1340-1396), và *Bảy Kho tàng* và *Ba Cổ Xe* do Longchen Rabjam (1308-1363) khám phá.

Năm mười ba tuổi, Jigme Lingpa gặp terton vĩ đại Rigzin Thukchok Dorje và lập tức trải nghiệm một lòng sùng mộ mãnh liệt đánh thức tâm trí tuệ của ngài. Từ vị terton ngài nhận các truyền dạy và giáo huấn về Mahamudra (Đại Ấn) và những giáo lý khác. Thukchok Dorje trở thành vị Thầy gốc của ngài, và ngài nhận các sự ban phước từ vị Thầy này trong các linh kiến ngay cả sau khi Đạo sư đã thị tịch. Jigme Lingpa cũng nhận các truyền dạy từ nhiều vị Thầy khác, kể cả Thekchen Lingpa Drotan Tharchin (còn gọi là Trime Lingpa, 1700-1776), chú của ngài là Dharmakirti, Chakzampa Tendzin Yeshe Lhundrup thứ bảy, Thangdrok Tulku Pema Rigdzin Wangpo xứ Kongpo, Trati Ngakchang Rigpe Dorje (còn gọi là Kong-nyon) xứ Kongpo, và Mon Dzakar Lama Dargye.

Đầu năm hai mươi tám tuổi, ngài bắt đầu một cuộc nhập thất ba năm nghiêm ngặt tại Tu viện Palri và trì giữ bảy lời nguyện trong cả thấy bảy năm. Những giới nguyện này cho ta thấy tầm quan trọng của việc hoàn thiện chính mình trước khi đi ra giúp đỡ người khác để hoàn thành mục đích của cuộc đời. Bảy lời nguyện của ngài như sau:

- 1- Ngài không vào nhà của bất kỳ cư sĩ nào, cũng không hưởng thụ bất kỳ trò giải trí nào.
- 2- Cho dù đang sống trong một cộng đồng, ngài hạn chế tiếp xúc với nhiều người (trong phòng của ngài) hay điều khiển bất kỳ sự tụ hội nào nuôi dưỡng lòng sân hận hay tham đắm.
- 3- Ngài không liên lạc thư từ với bất kỳ ai, không nhận cũng như không gửi bất kỳ ngôn từ nào.
- 4- Ngài duy trì một cuộc đời khổ hạnh và tự chế không đối Giáo Pháp để lấy lợi lộc vật chất.
- 5- Ngài tự chế mọi hoạt động xao lãng, chỉ hiến dâng mọi nỗ lực của mình cho mười hoạt động liên quan tới việc tu tập Pháp.
- 6- Ngài sống bằng phương tiện đơn giản và thậm trọng không hưởng thụ mọi vật chất được cúng dường do đức tin.
- 7- Ngài không thực hiện bất kỳ điều nào trong bốn hành động và hồi hướng mọi hoạt động cho sự giải thoát khỏi sinh tử.

Ngài tập trung việc thiền định vào giai đoạn phát triển và toàn thiện, được đặt nền trên *Trolthik Gongpa Rangtrol*. Sự tỉnh giác chánh niệm của ngài khiến ngài bảo vệ được tâm thức thoát khỏi các phóng tâm trong thiền định, dù chỉ lâu bằng thời gian của tiếng bật ngón tay. Khi ngài đọc *Bảy Kho Tàng* của Longchen Rabjam, bộ sách

này đã giải đáp mọi vấn đề ngài có về các kinh nghiệm thiền định nội tâm của mình.

Khi tiến bộ qua các giai đoạn chứng ngộ, ngài đã kinh nghiệm nhiều dấu hiệu thành tựu trong tâm và thân. Ngài kinh nghiệm các linh kiến của nhiều Lạt ma và những bậc linh thánh, kể cả Guru Rinpoche, Yeshe Tsogyal, Manjushrimitra, và Humkara, các linh kiến này đánh thức những giai đoạn khác nhau của trí tuệ sâu xa của ngài. Thành linh ngài nhận ra rằng điểm quy chiếu của mọi kinh nghiệm trong tâm ngài đã bị nhỏ bật gốc. Ngài đã nắm được quyền thống lãnh tiến trình của những nghiệp lực của ngài. Mọi hang ổ của những hình tướng đối gạt (nghĩa là những đối tượng, trên đó tâm thức nương tựa để rèn đúc luân hồi sinh tử nhị nguyên) hoàn toàn bị sụp đổ. Nhờ sức mạnh của sự chứng ngộ tỉnh giác, ngài đã có thể nhớ lại thật rõ ràng nhiều đời trong quá khứ. Trong tâm chứng ngộ của ngài, tất cả những kinh nghiệm và linh kiến đó có bản tánh nhất như.

Nhờ những tu tập du già, ngài đã thành tựu việc kiểm soát các kinh mạch, năng lực, và tinh chất của thân kim cương của ngài. Kết quả là cổ họng của ngài mở rộng như “giáo khóa tài bảo” của giáo lý. Những kinh mạch trong thân ngài chuyển hóa thành “những đám mây chữ.” Mọi hình tướng hiện tượng biến thành những “dấu hiệu/cử chỉ của Pháp.” Lời nói (ngữ) của ngài trở thành những chứng đạo ca sâu xa. Các tác phẩm của ngài trở thành những luận thuyết tràn đầy năng lực trí tuệ vĩ đại và sự uyên bác. Một đại dương vô tận các hiện tượng có tính chất giáo lý tiếp tục nổ bùng ra bởi ngài và từ nơi ngài.

Sau đó ngài biên soạn tác phẩm quan trọng đầu tiên là *Khyentse Melong Ozer Gyawa*, một luận giảng về giáo khoa *Lama Gongdu*.

Xuất hiện trong một linh kiến, Guru Rinpoche ban cho ngài pháp danh **Pema Wangchen**. Trong một linh kiến, Manjushrimitra ban phước cho ngài, nhờ đó ngài chứng ngộ ý nghĩa của trí tuệ tượng trưng (*mTshon Byed dPe'i Ye Shes*). Về sau, ngài thay đổi những chiếc y màu nâu sẫm thành y phục đơn giản của một nhà tu khổ hạnh, những áo choàng trắng giản dị và để tóc dài không cắt.

Năm hai mươi tám tuổi, ngài khám phá sự hiển lộ phi thường của giáo khoa *Longchen Nyingthig*, các giáo lý của Pháp Thân và Guru Rinpoche, như terma tâm. Tối ngày hai mươi lăm tháng mười năm Hỏa Ngưu thuộc chu kỳ Rabjung thứ mười ba (1757), ngài đi ngủ với một lòng sùng mộ vô bờ đối với Guru Rinpoche trong tim ngài. Vì không được nhìn thấy Guru Rinpoche, ngài ràn rụa nước mắt và không ngớt cầu nguyện theo hơi thở của ngài.

Ngài an trụ trong kinh nghiệm thiền định sâu xa về sự quang minh chói lọi đó (*'Od gSal Gyi sNang Ba*) trong một thời gian dài. Khi đắm chìm trong sự quang minh đó, ngài chứng nghiệm mình cưỡi trên một con sư tử trắng bay một quãng trên không trung. Cuối cùng ngài tới một con đường vòng mà ngài nghĩ là con

đường để kinh hành của Charung Khashor, ngày nay được gọi là Tháp Bodhnath, một đài kỷ niệm Phật Giáo quan trọng thuộc kiến trúc vĩ đại ở Nepal.

Trong sân phía tây của tháp, ngài thấy Pháp Thân xuất hiện trong thân tướng của một Dakini trí tuệ. Bà giao cho ngài một cái tráp bằng gỗ tuyệt đẹp và nói:

Đối với các đệ tử có tâm thức thanh tịnh,

Ngài là Trisong Detsen.

Đối với các đệ tử có tâm thức bất tịnh,

Ngài là Senge Repa.

Đây là kho tàng tâm của Samantabhadra (Phổ Hiền),

Những chữ viết tượng trưng của Rigdzin Padmasambhava, và

Những kho tàng bí mật vĩ đại của các Dakini. Các dấu hiệu đã kết thúc !

Vị Dakini biến mất. Với một kinh nghiệm vô cùng hỉ lạc, ngài mở cái tráp. Trong đó ngài tìm thấy năm ống giấy cuộn màu vàng với bảy hột pha lê. Trước tiên, chữ viết khó đọc, nhưng sau đó nó biến thành chữ Tây Tạng. Một trong những cuộn này là *Dug-ngal Rangtrol*, Sadhana của Đức Avalokiteshvara, và cuộn khác là *Nechang Thukkyi Drombu*, cẩm nang tiên tri của *Longchen Nyingthig*. Rahula, một trong những vị Hộ Pháp, hiện ra trước ngài tỏ lòng tôn kính. Khi ngài được Dakini khác khuyến khích, Jigme Lingpa nuốt tất cả các cuộn giấy vàng và những hột pha lê. Ngay lập tức, ngài có kinh nghiệm đáng kinh ngạc rằng toàn thể các chữ trong giáo khóa *Longchen Nyingthig* cùng các ý nghĩa của nó được đánh thức trong tâm ngài như thể chúng được in lên đó. Ngay cả khi đã dứt kinh nghiệm thiền định đó, ngài vẫn an trụ trong sự chứng ngộ giác tánh nội tại, sự hợp nhất vĩ đại của đại lạc và tánh Không.

Như vậy, giáo lý *Longchen Nyingthig* và sự chứng ngộ, là những gì được Guru Rinpoche trao phó và cất giấu trong ngài nhiều thế kỷ trước, đã được đánh thức, và ngài đã trở thành một terton, người khám phá giáo khóa *Longchen Nyingthig*. Ngài lần lượt chép lại giáo lý *Longchen Nyingthig*, bắt đầu bằng *Nechang Thukkyi Drombu*.

Vì chưa tới lúc để giảng dạy cho người khác nên ngài giữ bí mật mọi giáo lý ngài đã khám phá trong bảy năm. Đối với một terton, đó cũng là điều cốt yếu vì trước tiên bản thân ngài phải thực hành giáo lý.

Mặc dù đang duy trì cuộc sống của một yogi ẩn mật nhưng bởi ngài đã toàn thiện năng lực của bốn hành động mà không cần phải dụng công, những người sống quanh ngài đã phát triển lòng tôn kính và tin tưởng một cách tự nhiên đối với ngài, và ngài trở thành một suối nguồn lợi lạc cho nhiều người.

Năm ba mươi mốt tuổi, ngài bắt đầu thực hiện cuộc nhập thất ba năm lần thứ hai tại Chimphu gần Samye. Trước tiên ngài bắt đầu nhập thất trong một hang động được gọi là động Nyang Thượng. Sau đó ngài khám phá hang động khác và nhận ra nó chính là động Sangchen Metok hay động Nyang Hạ, nơi Vua Trisong Detsen đã nhận giáo lý Nyingthig từ Nyang và đã thiên định về chúng. Trong thời gian còn lại của cuộc nhập thất, ngài sống tại động Sangchen.

Trong cuộc nhập thất tại Chimphu, sự chứng ngộ tối cao về Dzogpa Chenpo (Đại Viên mãn) thức tỉnh trong Jigme Lingpa, và thức giác đó có được là nhờ ba linh kiến thanh tịnh về thân trí tuệ của Longchen Rabjam (1308-1363), Pháp Thân trong sự hiển lộ thuần tịnh. Trong động Nyang Thượng ngài có linh kiến đầu tiên, trong đó ngài nhận sự ban phước của thân kim cương của Longchen Rabjam. Jigme Lingpa nhận được sự truyền dạy về ngôn từ lẫn ý nghĩa của giáo lý của Longchen Rabjam. Sau khi di chuyển tới Sangchen Phuk (Động Đại Linh Thánh), ngài có linh kiến thứ hai và thứ ba. Trong linh kiến thứ hai ngài nhận sự ban phước về ngữ của Longchen Rabjam, nhờ đó ngài xiển dương và truyền bá giáo lý sâu xa của Longchen Rabjam như người đại diện của vị Thầy này. Trong linh kiến thứ ba Jigme Lingpa nhận sự ban phước của tâm trí tuệ của Longchen Rabjam, nó đánh thức hoặc trao truyền cho ngài năng lực không thể diễn bày của sự tỉnh thức giác ngộ nội tại của Longchen Rabjam.

Vì không có mục tiêu (điểm quy chiếu) khách quan nào nên giờ đây đối với Jigme Lingpa mọi sự xuất hiện bên ngoài trở nên vô cùng rộng lớn. Không có sự thiên định hay trạng thái thiên định riêng biệt nào để theo đuổi. Bởi không có mục tiêu chủ quan nào trong thâm tâm ngài nên tất cả trở nên giải thoát một cách tự nhiên và hoàn toàn mở trống trong sự nhất như. Ngài biên soạn *Kunkhyen Zhallung* và một vài tác phẩm khác là chân nghĩa của *Bảy Kho Tàng* của Longchen Rabjam, chúng thức giác trong tâm trí tuệ của ngài. Ngài đã biểu lộ năng lực trí tuệ trong các bài ca kim cương cho những người bạn ẩn sĩ sùng tín của ngài, liên quan tới những tình huống khác nhau:

Bản tánh của tâm giống như không gian rộng lớn,
Nhưng nó siêu việt, bởi nó sở hữu trí tuệ.
Quang minh chói ngời như mặt trời và mặt trăng,
Nhưng nó siêu việt, bởi không có chất thể.
Giác tánh nội tại như một quả cầu pha lê,
Nhưng nó siêu việt, bởi không có những chướng ngại hay ngăn che.

Và:

Nam tử, tâm đang ngắm nhìn tâm

Không phải là sự tỉnh giác của bản tánh bản sinh.
Vì thế, trong tâm hiện tại, không có những chỉnh sửa và
Những lay động, hãy chỉ an trụ tự nhiên.

Nam tử, sự hiểu biết (bất kỳ điều gì) với những hồi ức của con
Không có những thiện xảo cốt yếu của sự thiền định.
Vì thế, trong trạng thái tự nhiên và tươi mới của sự tỉnh giác nội tại,
Hãy an trụ không chút bám níu.

Nam tử, người ta nghĩ rằng sự an trụ (nhất tâm) (của tâm) là thiền định,
Nhưng nó thiếu sự hợp nhất của sự an định và nội quán.
Vì thế, không lấy và bỏ những an trụ hay những phóng chiếu của tâm,
Hãy để sự tỉnh giác nội tại an trụ tự do không có bất kỳ điểm quy chiếu nào.

Và:

Nam tử, quán tưởng thô cứng, rõ ràng và vững chắc
Không phải là Mahayoga toàn hảo.
Tan hòa tâm bám níu nơi mặt và tay của các Bồ Tôn, hãy an trụ trong cái bao
la rộng lớn,
Đại Viên Mãn của tánh như thị của giác tánh nội tại và tánh Không.

Nam tử, bám níu vào những kinh nghiệm của bốn hỷ lạc
Không phải là Anuyoga toàn hảo.
Khi tâm và năng lực đã nhập vào kinh mạch trung ương,
Hãy an trụ trong (sự hợp nhất của) đại lạc và tánh Không, sự đại giải thoát khỏi
các niệm tưởng..

Nam tử, chỉ hiểu biết về sự thành tựu tự nhiên của ba thân,
Thì không phải là Atiyoga tối hậu.
Trong bản tánh của nội quán chuỗi-kim cương,
Hãy để làm lạc của sự phân tích trong tâm sục đổ.

Và:

Bệnh tật là những cây chổi quét sạch những ác hạnh của con,
Coi bệnh tật như những vị Thầy, hãy khẩn cầu chúng..
Bệnh tật đang đến với con nhờ thiện tâm của các vị Thầy và Tam Bảo.
Bệnh tật là những thành tựu của con, vì thế hãy tôn thờ chúng như các Bồ
Tôn.

Bệnh tật là những dấu hiệu cho thấy nghiệp xấu của con đang bị cạn kiệt. Đừng nhìn vào mặt bệnh tật của con, nhưng nhìn vào kẻ (tâm) đang bệnh. Đừng đặt bệnh tật trên tâm con, nhưng hãy đặt giác tánh nội tại tràn trệ của con trên bệnh tật. Đây là giáo huấn về bệnh tật xuất hiện như Pháp Thân.

Thân xác thì vô tri và tâm là tánh Không.
Cái gì có thể khiến một vật vô tri đau đớn hay làm hại tánh Không?
Hãy tìm xem bệnh tật từ đâu tới, chúng đi đâu, và chúng an trụ ở đâu.
Bệnh tật chỉ là những phóng chiếu bất ngờ của những niệm tưởng của con.
Khi những niệm tưởng ấy tan biến, bệnh tật cũng biến mất..
Để đốt cháy các nghiệp xấu thì không có nhiên liệu nào tốt hơn bệnh tật.
Đừng dính mắc vào một tâm thức buồn bã hay những quan điểm tiêu cực về bệnh tật,
Mà hãy nhìn chúng như những dấu hiệu cảnh báo cho các nghiệp xấu của con, và hãy hoan hỉ vì chúng.

Sau đó ngài nhận những truyền dạy *Mười bảy Tantra Nyingthig, Vima Nyingthig, Lama Yangtig*, và một vài sự truyền dạy và giáo lý Nyingma khác từ Drubwang Ogyen Palgon (Shrinatha) của Tu viện Mindroling, cũng là người có họ xa với Jigme Lingpa. Lúc đầu ngài cũng nhận từ Thangdrokpa và Neten Kunzang những truyền dạy các giáo lý Nyingthig và các tác phẩm của Longchen Rabjam. Tuy nhiên, dòng truyền dạy ngắn và tuyệt đối của các giáo lý Nyingma tối hậu đến với ngài trực tiếp từ Longchen Rabjam trong ba linh kiến thanh tịnh.

Khi ngài ra khỏi thất, ngài nhận ra rằng thân thể ngài hoàn toàn suy kiệt do thiếu thực phẩm và y phục thích hợp trong những năm sống trong hang động. Ngài viết:

Bởi thực phẩm ít ỏi và phải sống trong một môi trường khắc nghiệt, tất cả những gì còn sót lại của những ác nghiệp và các món nợ nghiệp trong những đời trước của tôi bắt đầu chín mùi trên thân thể tôi. Bởi những chất dịch của khí (*rlung*), lưng tôi đau đớn như thể bị đánh bằng một hòn đá. Là một hậu quả của việc khí huyết dấy động, ngực tôi đau đớn như thể bị đóng đinh vào người. Thân tôi rất nặng nề, chân bị sưng tấy lên bởi bệnh phù chân voi. Như một ông già trăm tuổi, năng lực thể xác của tôi hoàn toàn suy kiệt. Tôi không thấy thèm ăn.. Chỉ đi ba bước là thân tôi đã bắt đầu nghiêng ngả. Nhưng tôi nghĩ: “Nếu tôi chết, tôi sẽ hoàn thành lời khuyên dạy của những bậc Thầy lúc ban đầu, các ngài nói: ‘Hãy giao phó tâm con cho Pháp. Hãy giao phó việc thực hành Pháp của con cho cuộc đời của một kẻ hành khát.’” Vì tôi đã đạt được xác quyết trong sự chứng ngộ Dzogpa Chenpo, ngay cả một niệm lo lắng cũng không hiện diện trong tâm

tôi, nhưng trong tôi khơi dậy một lòng bi mẫn lớn lao đối với những người đang đau khổ bởi tuổi già và bệnh tật.

Sau đó ngài có một linh kiến thanh tịnh về Thangtong Gyalpo, một hiền giả của sự trường thọ, và đối với Jigme Lingpa mọi sự việc tan hòa vào sự hợp nhất của đại lạc và tánh Không. Do đó, ngài ngợi ca năng lực chứng ngộ của ngài trong những lời sau:

Con cúi lạy đấng Hiền giả Vĩ đại Thangtong Gyalpo!
Tôi đã chứng ngộ tuyệt đỉnh của những cái thấy (kiến), Dzogpa Chenpo
Ở đó không có gì để thiền định, vì mọi sự được giải thoát như cái thấy.
Tôi đã phát lá cờ thiền định, vua của các hoạt động (hành).
Giờ đây, tôi, kẻ hành khát, không có gì phải ăn năn, cho dù tôi phải chết..
Tôi, kẻ hành khát, kẻ biết “cách chuyển hóa bệnh tật thành con đường,”
Khi quán tưởng Đạo sư, suối nguồn của các đức hạnh,
Tại luân xa hỉ lạc trên đầu tôi,
Tôi thiền định về con đường sâu xa của Guru Yoga.
Bởi bệnh tật và khổ đau là những cây chổi quét sạch các ác nghiệp,
Bởi nhận thức rằng bệnh tật là sự ban phước của Đạo sư,
Tôi thiền định về bệnh tật như Lạt ma và thọ nhận bốn quán đánh từ chúng.
Sau cùng, bởi nhận thức Lạt ma như bốn tâm tôi,
Tôi giải thoát mọi sự vào chân tánh của tâm, nó thanh tịnh tự nguyên thủy và
thoát khỏi bất kỳ nơi y cứ (điểm quy chiếu) nào.

Ngài chứng ngộ khuôn mặt của Đức Phổ Hiền tối thượng, Pháp Thân, và mọi bệnh tật tan biến vào pháp giới tối hậu. Thật nhanh chóng, thân ngài cũng tràn đầy năng lực, không còn đau đớn hay gặp chướng ngại nào nữa.

Rồi đã tới lúc hiển lộ các giáo lý *Longchen Nyingthig* cho các đệ tử sau bảy năm giữ ẩn mật. Mặc dù chẳng ai có chút manh mối nào về việc khám phá *Longchen Nyingthig*, Đạo sư-đệ tử Kongnyon Bepe Naljor của ngài, nhờ sự thấu thị, đã khẩn cầu Jigme Lingpa truyền dạy giáo lý terma tâm của ngài. Như một điềm lành, ngài cũng chấp nhận khẩn cầu để tiết lộ các giáo lý với những sự cúng dường của ba tulku quan trọng ở Nam Tây Tạng.

Vào ngày mùng mười tháng sáu năm Thân Mộc (1765), lần đầu tiên Jigme Lingpa ban các quán đánh và giảng dạy giáo khóa *Longchen Nyingthig* cho mười lăm đệ tử. Dần dần nhưng nhanh chóng, các giáo lý *Longchen Nyingthig* đi tới mọi góc ngách của thế giới Nyingma và trở thành tâm yếu của các giáo huấn thiền định đối với nhiều thiền giả chứng ngộ và những nghi lễ cho tới ngày nay.

Năm ba mươi bốn tuổi, từ Chimphu, Jigme Lingpa đi tới Tsering Jong, Xứ Trường Thọ trong Thung lũng Tonkhar miền Nam Tây Tạng. Ở đó, với sự bảo trợ của dòng họ Depa Pushu, ngài xây một ẩn thất với một học viện thiền định và đặt tên nó là Tharpa Chenpo Trongkhyer Pema O Ling, Hoa viên Nguyệt Quang của Kinh thành Đại Giải thoát. Ngài không muốn có một kiến trúc đồ sộ bị ràng buộc vào thể chế và thường xuyên trích dẫn *Ba mươi Lời Khuyên Trọng yếu* của Longchen Rabjam, như cảm nang của ngài:

Tập hợp nhiều người đồng sự bằng những phương tiện khác nhau,
Sở hữu một tu viện với những tiện nghi thoải mái-
Nếu các con cố gắng, điều ấy sẽ xảy tới trong một thời gian, nhưng nó làm xao
lãng tâm.
Vì thế lời khuyên tâm huyết của ta là hãy ở một mình.

Tsering Jong trở thành trụ xứ của Jigme Lingpa trong phần còn lại của đời ngài. Một dòng đệ tử vĩ đại đi tới ẩn thất hết sức đơn sơ này để nhận những giáo lý và truyền dạy sâu xa như cam lồ từ Rigdzin Jigme Lingpa, Đạo sư vĩ đại nhất của Dzogpa Chenpo, nhưng sau đó các đệ tử trở về bản xứ của họ để chia sẻ giáo lý cho những người khác. Vì thế Tsering Jong vẫn là một ẩn thất đơn sơ và Jigme Lingpa vẫn là một ẩn sĩ khiêm tốn.

Ngài không quan tâm tới của cải hay quyền hành và sử dụng mọi vật cúng dường cho ngài vào các mục đích tôn giáo. Suối đời ngài, ngài cũng tích cực chuộc lại mạng sống của thú vật từ tay những thợ săn và đồ tể. Ngài nói:

Ta không quan tâm tới bất kỳ hoạt động nghề nghiệp hay thu hoạch nào.
Ta không lang thang cử hành các nghi lễ trong những phố thị (để có những
tặng vật).
Ta không giữ bên mình hơn mười *khal* lúa mạch (như phương tiện sinh sống).
Chừng nào ta còn sống, ta nguyện tiếp tục cuộc đời khổ hạnh này.

Đã có một thời sau thời đại của Jigme Lingpa, ẩn thất Tsering Jong trở thành một nữ tu viện, và nó vẫn tồn tại như thế cho tới khoảng năm 1959, khi mọi sự bị biến hoại trong cuộc rối loạn chính trị. Từ đầu thập niên 1980, một lần nữa Tsering Jong được tái lập thành một nữ tu viện.

Tánh khí của Jigme Lingpa sâu sắc, mạnh mẽ, và thẳng thắn, nhưng ngài cũng mẫn cảm, đơn giản và dễ gần gũi. Ngài viết:

Tri giác của tôi trở nên tương tự như tri giác của một đứa trẻ. Thậm chí tôi vui thích khi chơi đùa với trẻ con. Khi gặp những người có khiếm khuyết nặng nề,

tôi ném vào mặt họ những lỗi lầm cá nhân của họ, cho dù họ là những nhà lãnh đạo tâm linh khả kính hay nhà bảo trợ Giáo Pháp hào phóng..Trong mọi việc như ngồi, đi, ngủ, hay ăn uống, tôi giữ gìn tâm tôi không bao giờ tách lìa sự chói ngời của bản tánh tối hậu. Nếu đó là việc phụng sự Giáo Pháp, tôi hiến mình cho sự toàn thiện của Pháp, cho dù điều đó được coi là bất khả.

Năm bốn mươi ba tuổi, ngài thâm nhập và ủy thác việc sao chép các Tantra Nyingma trong hai mươi lăm pho sách, và sáng tác *Lịch sử các Tantra Nyingma*. Sau này, theo lời khuyên của Jigme Lingpa và Dodrupchen, nhà vua và hoàng hậu nhiếp chính xứ Dege đã đặt làm những bản khắc gỗ tuyền tập Tantra Nyingma của ngài, và hiện nay những bản khắc này vẫn còn được dùng để in ấn.

Năm năm mươi bảy tuổi, theo lời mời của Sakya Trichen là Ngawang Palden Chokyong, ngài tới Sakya và ban các giáo lý cùng sự truyền dạy cho Trichen, anh của vị Thầy này, và Ananda Shribhava, vị khenchen (đại tu viện trưởng, đại học giả) an trụ ở Sakya, và nhiều người khác.

Khi ngài từ Sakya trở về, Lạt ma Sonam Choden mà sau này được gọi là **Dodrupchen** (1745–1821) từ xứ Kham đến nhận giáo lý nơi ngài. Dodrupchen coi ngài như Thangtong Gyalpo, ngược lại Jigme Lingpa xác nhận Dodrupchen là tulku của Lhase Murum Tsepo và ban cho vị này pháp danh **Jigme Thrinle Ozer**. Qua Dodrupchen, Dzogchen Rinpoche thứ ba và vua xứ Dege gửi sứ giả mời ngài tới Kham, nhưng ngài từ chối vì lý do tuổi tác và sức khỏe, cũng như bởi ngài quan tâm tới nỗi nhọc nhằn của những con ngựa trong cuộc hành trình gian khổ.

Barchung Gomchen Rigdzin và Mange Pema Kunzang từ Kham tới nhận giáo lý và sự truyền dạy. Về sau Pema Kunzang trở thành **Jigme Gyalwe Nyuku** (1765–1843), một đệ tử nổi tiếng của Jigme Lingpa. Trong khi Rigdzin và Pema Kunzang ở Lhasa, trước khi các ngài tới Tsering Jong, có kẻ lấy cắp một miếng bạc là vật duy nhất mà các ngài có để sinh sống và chi dụng trong cuộc du hành. Jigme Lingpa viết một bài thơ để an ủi các ngài:

Nếu các ông biết cách đem đau khổ vào con đường của vị bình đẳng,
Mọi hoàn cảnh bất hạnh sẽ xuất hiện như vật hỗ trợ cho các đức hạnh.
Vì thế hãy tự chế với việc nuôi dưỡng những quan điểm đối nghịch.
Nếu các ông thực hành như ta giảng dạy,
Tâm các ông và tâm ta sẽ hợp nhất làm một.
Sẽ phát sinh sự chứng ngộ siêu vượt mọi khái niệm, và
Các ông sẽ an trú trong bản tánh bao la của Pháp Thân, trong đó không có sự
nhị nguyên.
Cầu mong ước nguyện của các ông được hoàn thành.

Năm 1788, khi ngài sáu mươi tuổi, Jigme Lingpa ban các giáo lý và sự truyền dạy cho vua và hoàng hậu xứ Dege tại Samye. Họ trở thành những người sùng mộ của ngài và hoàng hậu trở thành một trong những nhà bảo trợ chính.

Năm sáu mươi hai tuổi, theo khẩn cầu của Gontse Tulku, ngài viếng thăm Gontse Gonpa xứ Tsona ở Mon và ban giáo lý cùng các sự truyền dạy.

Vào lúc này, Jigme Lingpa có một vấn đề về mắt. Các sự trao truyền nguyên bản (lung) phải được Dodrupchen nhân danh ngài ban cho các đệ tử kể cả Gotsang Tulku Jigme Tenpe Gyaltzen. Họ phái Jigme Gyalwe Nyuku đi mời một thầy thuốc, vị này đã thực hiện thành công một cuộc giải phẫu.

Năm ngài sáu mươi ba tuổi (1791), quân đội Nepal tấn công miền Tây Tây Tạng và nhiều người phải chịu đau khổ. Jigme Lingpa cử hành nhiều buổi lễ và gửi phẩm vật cúng dường tới nhiều ngôi chùa để cầu xin hòa bình và sự bảo hộ.

Năm sáu mươi lăm tuổi, Ngài và vị phối ngẫu là Gyalyum Drolkar ở trụ xứ của Depa Pushu, có một con trai tên là Gyalse Nyinche Ozer (1793-?).

Jigme Lingpa không thể nhận nhiều lời mời thỉnh. Tuy nhiên, nhờ Gyantse ngài đi tới Tu viện Thekchok Choling ở Tsang và ban các giáo lý cùng các sự truyền dạy cho nhiều đệ tử mà đứng đầu là Khenpo Ogyen Palgon, và ở nhiều địa điểm trên đường đi. Tu viện này đã tu tập theo dòng Longchen Nyingthig. Ở Tu viện Dorje Trak, Ngài ban một loạt giáo lý và truyền dạy cho Rigdzin Chenmo và những vị khác.

Ngài nhận những thư khẩn cầu và vật cúng dường từ vua Mông Cổ Chogyal Ngawang Dargye (1759–1807), một đệ tử của Dodrupchen và Đạo sư của Zhapkar Tsoktruk Rangtrol (1781–1851).

Trong khi đó, dựa trên sự giao thiệp giữa vị Dzogchen Rinpoche cuối cùng và Jigme Lingpa, các Lạt ma của Tu viện Dzogchen thiết tha hỏi xem con trai của ngài có thể là tulku (tái sinh) của Dzogchen Rinpoche thứ ba hay không, nhưng Jigme Lingpa không biểu lộ bất kỳ dấu hiệu nào là việc này có thể xảy ra. Chính Gyalse đã nhớ lại đời quá khứ của mình và cứ nói: “Tôi thuộc về Drikung,” từ khi còn nhỏ. Sau đó Sakya Trichen xác nhận cậu bé là tái sinh của Chokyi Nyima (1755–1792), vị Chungtsang thứ tư, một trong hai vị lãnh đạo của truyền thống Drikung Kagyu.

Năm sáu mươi chín tuổi, với nghi lễ long trọng, tráng lệ do các tín đồ Drikung tổ chức, Jigme Lingpa cùng con trai du hành tới Drikung để dự lễ tôn phong cho người con. Đó là một cơ hội hi hữu để mọi người ở những nơi chốn khác nhau dọc theo con đường được nhìn thấy và nghe ngài, bậc Đạo sư vĩ đại. Nhưng vì phải du hành dài ngày và liên tục thực hiện các Phật sự, bậc Đạo sư già yếu đã suy kiệt thể xác. Chẳng bao lâu, do thay đổi nước và môi trường, Ngài ngã bệnh trầm trọng, và có lúc mọi người đã không còn hy vọng ngài có thể hồi phục. Rồi thật bất ngờ, từ thánh địa Yama Lung một đệ tử của ngài đem về một viên thuốc Tây Tạng được gọi là

karmo chikthup, và sau khi uống thuốc Ngài hồi phục một cách kỳ diệu và thậm chí còn tươi trẻ hơn trước, giống như một người mới.

Năm bảy mươi tuổi, từ Drikung ngài trở về Tsering Jong, dừng lại ở rất nhiều thánh địa trên đường và cử hành các buổi lễ, cúng dường, và ban các giáo lý. Sức khỏe có vẻ khả quan nhưng ngài ít quan tâm tới việc ăn và ngủ. Ngày lẫn đêm, ngài vẫn an tọa trong tư thế Tỳ Lô Giá Na hay tư thế hiền giả. Đôi mắt ngài không chớp. Ngài nói rằng ngài còn sống là nhờ làm chủ được sinh lực của mình. Nhiều lần, ngài nói bóng gió rằng chẳng bao lâu nữa ngài sẽ mất. Nhưng khi các đệ tử trở nên bồn lo buồn thì ngài thay đổi đề tài hoặc đôi khi còn nói: “Ồ, sẽ không có gì nguy hiểm cho tánh mạng của ta đâu.” Ngài nói riêng với một đệ tử thân tín rằng ngài sắp chết và sẽ tái sinh, nhưng không cần phải tìm kiếm hóa thân mới của ngài. Ngài bảo họ nên tổ chức một tang lễ đơn giản và bằng cách giảng những cách thức thực hiện, ngài gợi ý rằng họ nên bảo quản thi hài. Khi các đệ tử tỏ ý muốn mời một y sĩ, Ngài nói: “Ừ! Nếu muốn thì các con có thể mời; nhưng ta không có bệnh thì y sĩ chữa trị cái gì? Dầu sao chẳng nữa cũng đừng mời y sĩ ở phương xa tới; chỉ gây thêm nhọc mệt cho người và thú.”

Thật điềm tĩnh, ngài vẫn chăm sóc mọi người và ban phước cùng các giáo lý khi được yêu cầu. Trong nhiều ngày, mưa hoa rơi xuống quanh trụ xứ của ngài và liên tiếp xảy ra các trận động đất nhẹ. Một hôm ngài di chuyển tới Namtrol Tse, ẩn thất mới ở trên cao, và tỏ ra hết sức vui thích được ở đó. Ngài tiếp vài người khách và ban giáo lý.

Ngay ngày hôm sau, ngày mồng ba tháng chín năm Thổ Ngọ (1798), ngài ban một giáo lý về thiên định Tara Trắng. Từ sáng sớm, một mùi hương ngọt ngào tràn ngập toàn bộ ẩn thất. Bầu trời thật trong trẻo và không một chút gió, từ bầu trời xanh, một trận mưa bụi lác rác liên tục. Mọi người kinh ngạc nhưng lo âu. Sau đó, khi màn đêm buông xuống, ngài yêu cầu sắp các món cúng dường mới lên bàn thờ. Khi ngài an tọa trong tư thế hiền giả, mọi hiển lộ của ngài tan hòa trong bản tánh nguyên sơ.

Các đệ tử của ngài khám phá hai di chúc khác nhau được cất dấu ở hai nơi riêng biệt. Chúng bao gồm các giáo lý thiên định cho các đệ tử và những chỉ dẫn về tang lễ và hóa thân của ngài. Một trong hai di chúc có những dòng sau:

Ta luôn luôn ở trong trạng thái tối hậu;
Đối với ta không có đi hay ở.
Cuộc phô diễn của sinh và tử chỉ là sự tương đối.
Ta giác ngộ trong sự giải thoát nguyên sơ vĩ đại!

Vài tháng sau tang lễ, tại Tsering Jong và nhiều tu viện và đền thờ ở miền Trung và miền Đông Tây Tạng và Bhutan, di hài của ngài được đặt trong một stupa (tháp)

nhỏ bằng vàng ở ẩn thất Tsering Jong, và nó được giữ gìn ở đó cho tới khi nữ tu viện Tsering Jong bị phá hủy hai thập niên trước.

Sau khi ngài thị tịch, các hóa thân nổi tiếng của ngài gồm: **Do Khyentse Yeshe Dorje** (1800–1866), được coi là hóa thân về thân của ngài, **Paltrul Rinpoche** (1808–1887), hóa thân về ngữ; và **Jamyang Khyentse Wangpo** (1820–1892), hóa thân về tâm.

Jigme Lingpa viết năm pho sách gồm các luận thuyết sáng tác và các bản văn terma được khám phá. Các tác phẩm nổi tiếng trong số đó là *Longchen Nyingthig*, một tuyển tập các giáo huấn thiền định và bản văn nghi lễ trong hai (hay ba) quyển, chúng được khám phá như các giáo lý terma; *Phurba Gyuluk*, một quyển sách về nghi lễ Vajrakila, được coi là terma và Kinh điển; *Yonten Rinpoche Dzo* với tự thuật gồm hai quyển, tác phẩm uyên áo nổi tiếng nhất của ngài; và *Yeshe Lama*, tác phẩm trở thành cẩm nang bao quát nhất về thiền định Dzogpa Chenpo trong truyền thống Nyingma.

Longchen Nyingthig vẫn tồn tại như một truyền thống terma quan trọng, và với các tác phẩm uyên áo của ngài, dòng truyền thừa của Jigme Lingpa trở thành một trong những phụ phái phổ biến nhất của truyền thống Nyingma cho tới ngày nay. Trong dòng Longchen Nyingthig, tất cả các đệ tử và đại đệ tử đều là những đại hành giả lão luyện, như chính Jigme Lingpa đã tiên đoán:

Trong dòng truyền thừa Nyingshig Quang minh Chói lọi của tôi, sẽ xuất hiện những đứa con (đệ tử) vĩ đại hơn cha và những đứa cháu vĩ đại hơn ông của họ.

Trong số những đại đệ tử của ngài, những người chính yếu đã được Guru Rinpoche tiên đoán trong *Nechang Thukkyi Drombu*, cẩm nang tiên tri của Longchen Nyingshig:

Nhờ những hóa thân của Namkhe Nyingspo, Nyang, Chok-yang,
Và Hoàng tử Linh thánh, cánh cửa của các giáo lý sẽ được mở ra.

Những đệ tử là Nyangton Trati Ngakchang Rikpe Dorje (còn gọi là Kong-nyon Bepe Naljor), hóa thân của Namkhe Nyingspo; Lopen Jigme Kuntrol xứ Bhutan, hóa thân của Nyang Tingdzin Zangpo; Thekchen Lingpa Drotan Tharchin (*Dri Med Gling Pa*, 1700-1776), hóa thân của Ngenlam Gyalwa Chok-yang; và Dodrupchen Jigme Thrinle Ozer, hóa thân của Hoàng tử Murum Tsepo. Thekchen Lingpa, Thangdrokpa, và Trati Ngakchang vừa là Thầy vừa là đệ tử của Jigme Lingpa.

Trong số các đệ tử của ngài, những Đạo sư có ảnh hưởng nhất trong việc truyền bá giáo lý Longchen Nyingshig là: Jigme Thrinle Ozer (1745-1821) - Dodrupchen đệ

nhất – là vị Hộ trì Giáo lý chính yếu (*rTsa Ba'i Ch'os bDag*) của Longchen Nyingthig. Dodrupchen đã xây dựng ba tu viện: Drodon Kunkhyap Ling tại Shukchen Tago ở Thung lũng Do, và Yarlung Pemako tại Thung lũng Ser. Jigme Gyalwe Nyuku ở Kham Dzachukha vẫn ở tại ẩn thất Tramalung trong nhiều năm và về sau di chuyển tới nơi ẩn tu Dzagya. Jigme Kuntrol xứ Bhutan xây dựng Tu viện Dungsam Yonglha Tengye Riwo Palbar Ling ở miền Đông Bhutan. Ngày nay nó được gọi là Yongla Gon ở phía dưới Quận Pema Gatsal, miền Đông Bhutan. Danh hiệu của những đệ tử chính yếu khác của Jigme Lingpa được liệt kê trong cây truyền thừa.

Trong số những nhà bảo trợ chính của ngài có Depa Pushu đã bảo trợ việc xây dựng ẩn thất của ngài tại Tsering Jong, và nhà vua và đặc biệt là Hoàng hậu Tsewang Lhamo xứ Dege, là người được tiên tri là hóa thân của Phokyonza Gyalmotsun, Hoàng hậu của Vua Trisong Detsen, đã đặt làm những bản khắc gỗ của các *Tantra Cổ* (*rNying Ma rGyud 'Bum*), nhiều pho sách của Longchen Rabjam, và chín quyển sách của Jigme Lingpa. Ngoài ra còn có Tatsak Tenpe Gonpo (mất năm 1810), nhiếp chính của Tây Tạng, và Karmapa thứ mười ba Dudul Dorje (1733-1797), vị này rất tôn kính ngài khi tham vấn qua thư từ.

Mặc dù các đệ tử là thành phần lõi lạc của xã hội Tây Tạng đã quây quần chung quanh Jigme Lingpa, ngài chỉ quan tâm tới việc tìm những vị hộ trì dòng truyền thừa thực sự, là những người hầu như xuất thân từ tầng lớp xã hội bình thường. Nhắc tới những Đạo sư trong quá khứ, ngài biểu lộ quan điểm:

Có một kẻ hành khát duy nhất có thể hộ trì dòng truyền thừa thì tốt hơn là có một ngàn người lõi lạc như các đệ tử của ông.

Cuộc đời của Jigme Lingpa có vô số những điều huyền diệu, nhưng ngài dấu kín năng lực huyền bí của mình và sống một cuộc đời hết sức đơn giản. Ngài là một học giả bẩm sinh không tu hành những giới luật truyền thống, nhưng mọi sự biểu lộ của ngài chuyển hóa thành các giáo lý và mọi hoạt động là để phục vụ cho người khác. Ngài sống ẩn dật như một ẩn sĩ ở một nơi hẻo lánh tại Tsering Jong, nhưng ánh sáng trí tuệ của ngài đã vươn tới tận mọi ngóc ngách của thế giới Phật Giáo của phái Nyingma, và nó vẫn còn sáng ngời trong nhiều trái tim rộng mở khắp thế giới. Ngài ra đời với những dấu hiệu tốt lành trên thân, một chữ AH trên răng, một chữ HYA nơi ngón tay cái, một hình dạng vajra (chày kim cương) nơi tim, và hình một chuông nghi lễ tại rốn. Ngài có những linh kiến về các vị Phật, Bồ Tát, những Đạo sư dòng truyền thừa, và đã nhận những giáo lý và ban phước do sự trao truyền. Răng và tóc của ngài biến thành xá lợi như dấu hiệu của việc ngài đã đạt được những thành tựu Đại Viên mãn cao cấp. Ảnh hưởng quan trọng nhất mà ngài để lại

cho chúng ta là những ngôn từ của Pháp Thân, chân lý tối hậu trong hình thức những tác phẩm và những giáo lý được khám phá (terma) của ngài./.

Trích từ **“Masters of Meditation and Miracles – Lives Of The Great Buddhist Masters Of India And Tibet”**

by Tulku Thondup

Bản dịch Việt ngữ của Thanh Liên